TÒA ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 9 – VĨNH LONG **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 07-01-2026
V/v: "Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thu Trang
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Hết
2. Ông Phạm Văn Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Nguyễn Nhứt – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Bùi Đinh Thị Huyền Đăng – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 223/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 120/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Minh H**, sinh năm 1994. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long. Chổ ở hiện nay: Ấp P, xã M, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà **Cao Hoàng N**, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp F, xã M, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và bản khai ông Nguyễn Minh H trình bày:

Ông H và bà N quen biết, tìm hiểu, tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy Ban nhân dân thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre nay là xã M, tỉnh Vĩnh Long, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/3/2023. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hôn nhân không còn hạnh phúc và đã sống ly thân cho đến nay không thể hàn gắn đoàn tụ được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời

sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông H yêu cầu Toà án giải quyết:

Về hôn nhân: Ông H yêu cầu được ly hôn với bà N.

Về con chung: Có một con chung là Nguyễn Gia H1, sinh ngày 24/12/2023, khi ly hôn ông H yêu cầu bà N trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi con trưởng thành, ông H cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Cao Hoàng N vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa, bà N không gửi văn bản trình bày ý kiến về những nội dung có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long phát biểu quan điểm cho rằng: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự .Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh H, cụ thể: Về hôn nhân: Ông Nguyễn Minh H được ly hôn với bà Cao Hoàng N. Về con chung: Bà Cao Hoàng N được quyền nuôi con chung Nguyễn Gia H1, sinh ngày 24/12/2023, ghi nhận ông Nguyễn Minh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp cấp dưỡng 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện của ông Nguyễn Minh H đối với bà Cao Hoàng N thì vụ án có quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Bị đơn Cao Hoàng N có nơi cư trú tại xã M, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long thụ lý đúng thẩm quyền.

[1.3] Ông Nguyễn Minh H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bà Cao Hoàng N đã được tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt

ông H và bà N theo quy định tại các Điều 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Minh H và bà Cao Hoàng N tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

[2.2] Ông H cho rằng hôn nhân giữa ông và bà N không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với bà N. Theo ông H trình bày thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, hôn nhân không còn hạnh phúc và đã sống ly thân cho đến nay không thể hàn gắn đoàn tụ được. Quá trình Tòa án giải quyết thì bà N không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về hôn nhân giữa bà N và ông H và cũng không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhằm mục đích hàn gắn đoàn tụ. Từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà N đã đến mức trầm trọng, không thể tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H đối với bà N là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về con chung: Ông H trình bày ông H và bà N có một con chung là Nguyễn Gia H1, sinh ngày 24/12/2023. Ông H đồng ý để bà N trực tiếp trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi ly hôn; con chung Nguyễn Gia H1 hiện chưa đủ 36 tháng tuổi, đang sống cùng bà N và cũng đã thích nghi với môi trường sống và với việc chăm sóc bà N. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu Nguyễn Gia H1 cả về thể chất lẫn tinh thần, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông H, giao con chung là Nguyễn Gia H1 cho bà N tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình Tòa án giải quyết thì bà N không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến hay yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án ông H đều trình bày tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng là 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi còn đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông H trình bày không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và trình bày không có nợ chung; bà N vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để thể hiện ý kiến của bà N về việc yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Ông H là người khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông H chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 39, 147, 207, 227, 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh H, cụ thể:

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Minh H được ly hôn với bà Cao Hoàng N.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Gia H1, sinh ngày 24/12/2023 cho bà Cao Hoàng N trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận ông Nguyễn Minh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Gia H1 mỗi tháng với mức cấp dưỡng là 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng lần đầu tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, ông Nguyễn Minh H, bà Cao Hoàng N hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, ông Nguyễn Minh H, bà Cao Hoàng N có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí:

Ông Nguyễn Minh H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số tòa án số 0004789 ngày 09/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long là đủ.

Ông Nguyễn Minh H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự (2b) ;
- TAND tỉnh Vĩnh Long (1b) ;
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long (1b);
- THADS tỉnh Vĩnh Long (1b);
- UBND xã Mỏ Cày, tỉnh Vĩnh Long (1b) ;
- Lưu HS, VP (3b) TC:9b .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa